TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**
Số: **173**/2020/QĐST-HNGĐ	*Tân phú, ngày 13 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 82, 83, 84, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1170/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Bà Ninh Thị Hồng T, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Số 91 N, phường T, quận T, Thành phố H;

- Ông Nguyễn Thành D , sinh năm 1985;

Địa chỉ: 126/12 Đường số H, Phường M, quận T, Thành phố H;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa Bà Ninh Thị Hồng T và ông Nguyễn Thành D.

[2] Về quan hệ con chung: Giao hai (02) con chung là trẻ Nguyễn Trọng P sinh ngày 23/4/2009 và Nguyễn Hồng Y sinh ngày 02/5/2014 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D cấp dưỡng nuôi con số tiền 6.000.000 đồng/tháng/2 trẻ (tức 3.000.000 đồng/tháng/1 trẻ). Thực hiện việc cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 15/3/2020 cho đến khi con chung lần lượt trưởng thành.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Hai bên khai không có;

[4] Về lệ phí Tòa án là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Ninh Thị Hồng T và ông Nguyễn Thành D chịu, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà T, ông D nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0020093 ngày 04/12/2019 của chi cục thi hành án dân sự quận T, Thành phố H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Ninh Thị Hồng T và ông Nguyễn Thành D. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông D theo giấy chứng nhận kết hôn số 193, số 01/2008, do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố H

cấp ngày 25/6/2008 chấm dứt kể từ ngày Quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao hai (02) con chung là trẻ Nguyễn Trọng P sinh ngày 23/4/2009 và Nguyễn Hồng Y sinh ngày 02/5/2014 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D cấp dưỡng nuôi con số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng/tháng/2 trẻ (tức 3.000.000 đồng/tháng/1 trẻ). Thực hiện việc cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 15/3/2020 cho đến khi con chung lần lượt trưởng thành.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Bà T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp ông D lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông D.

Trong trường hợp bà T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông D hoặc người thân thích, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành tiền cấp dưỡng nuôi con, mà ông D chưa thi hành số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Ninh Thị Hồng T và ông Nguyễn Thành D chịu, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà T, ông D nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0020093 ngày 04/12/2019 của chi cục thi hành án dân sự quận T, Thành phố H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. H;
- VKSND Q. T;
- UBND p. T, quận T;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (Vi)

THẨM PHÁN

Phan Huỳnh Hoàng Phương